

Số: /2019/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2019

DỰ THẢO

## NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2011;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (TVSI);
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt ngày 30 tháng 5 năm 2019.

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch kinh doanh năm 2019.

### 1.1 Một số chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

| Chỉ tiêu                                  | Thực hiện năm 2018 (Tỷ đồng) | Kế hoạch 2018 (Tỷ đồng) | %TH/KH      |
|---|------------------------------|-------------------------|-------------|
| <b>Doanh thu và thu nhập khác</b>         | <b>327,60</b>                | <b>249,81</b>           | <b>131%</b> |
| 1. Môi giới                               | 111,83                       | 93,05                   | 120%        |
| 2. Dịch vụ tài chính                      | 143,09                       | 115,97                  | 123%        |
| 3. Tự doanh                               | 44,6                         | 25,50                   | 175%        |
| 4. Tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán | 11,57                        | 6,82                    | 170%        |
| 5. Tiền gửi                               | 10,42                        | 6,00                    | 174%        |
| 6. Doanh thu lưu ký CK                    | 5,26                         | 2,16                    | 243%        |
| 7. Khác                                   | 0,74                         | 0,30                    | 247%        |
| <b>Chi phí</b>                            | <b>252,44</b>                | <b>186,76</b>           | <b>135%</b> |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>               | <b>75,15</b>                 | <b>63,04</b>            | <b>119%</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                 | <b>60,36</b>                 | <b>50,83</b>            | <b>119%</b> |

## 1.2 Kế hoạch kinh doanh năm 2019

| Chỉ tiêu           | KH 2019<br>(Tỷ đồng) | TH 2018<br>(Tỷ đồng) | % KH2019/<br>TH2018 |
|--------------------|----------------------|----------------------|---------------------|
| Doanh thu          | 360,83               | 327,60               | 110%                |
| Chi phí            | 239,63               | 252,44               | 95%                 |
| Lợi nhuận sau thuế | 121,20               | 75,15                | 161%                |

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 (*Chi tiết tại Báo cáo số ... ngày 16/05/2019 đính kèm*)

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 (*Chi tiết tại Báo cáo số ... ngày 16/05/2019 đính kèm*)

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.

**Điều 5.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

| STT | CHỈ TIÊU   | SỐ LIỆU           | GHI CHÚ                      |
|-----|--|-------------------|------------------------------|
| 1   | Vốn điều lệ cuối năm                                   | 1.080.000.000.000 |                              |
| 2   | Vốn điều lệ bình quân năm                              | 588.987.063.205   |                              |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế năm 2018                          | 75.157.844.580    |                              |
| 4   | Thuế TNDN  | 14.790.264.022    |                              |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế 2018                                | 60,367,580,558    | =(3)-(4)                     |
| 6   | Điều chỉnh lợi nhuận FVTPL năm nước                    | 45.105.060.382    |                              |
| 7   | Điều chỉnh lợi nhuận FVTPL năm nay                     | (2.667.093.869)   |                              |
| 8   | Lợi nhuận sau thuế 2018 phân phối                      | 102.805.547.071   | =(5)+(6)+(7)                 |
| 9   | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ                         | 5.140.277.354     | =(8)*5%                      |
| 10  | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ             | 5.140.277.354     | =(8)*5%                      |
| 11  | Quỹ khen thưởng phúc lợi                               | 5.140.277.354     | =(8)*5%                      |
| 12  | Quỹ khen thưởng CBQL (ESOP)                            | 5.140.277.354     | =(8)*5%                      |
| 13  | Lãi/Lỗ lũy kế còn lại của năm trước                    | 319.491.966       |                              |
| 14  | Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế còn lại chưa phân phối | 85.231.023.490    | =(8)-(9)-(10)-(11)-(12)+(13) |
| 15  | Lợi nhuận chưa thực hiện sau thuế                      | (2.667.093.869)   |                              |

**Điều 6.** Thông qua Báo cáo chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019:

- Tổng mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã chi trả trong năm 2018 là 666 triệu đồng (Hội đồng quản trị: 05 thành viên; Ban Kiểm soát: 03 thành viên).

- Thông qua Tổng mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019: 696 triệu đồng (Hội đồng quản trị: 05 thành viên; Ban Kiểm soát: 03 thành viên).
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và điều chỉnh mức thù lao đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát cho phù hợp nhằm đảm bảo công tác quản trị và điều hành đạt hiệu quả cao nhất và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông vào kỳ Đại hội thường niên năm sau.

**Điều 7.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty  
(*Chi tiết tại tờ trình ... ..*)

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm phê chuẩn, ban hành và áp dụng theo nội dung Điều lệ thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của Pháp luật hiện hành.

**Điều 8.** Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023:

1. Ông/Bà

**Điều 9.** Kết quả bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023:

1. Ông Bà

**Điều 10. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/5/2019.

Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ.

Nơi nhận:

- Cổ đông (khi có yêu cầu);
- TV HĐQT;
- TV BKS;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu BTK HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**